

Bản án số: 26/2023/DS-ST

Ngày: 10-11-2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.

2. Ông Nguyễn Văn Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tố Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10/11/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 99/2023/TLST-DS ngày 28/8/2023 về việc ***“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-DS ngày 26/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 12/10/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình P, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai.

Địa chỉ chi nhánh: Số 35 V, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Trần Đình L, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ông P và ông L có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, được bổ sung tại bản tự khai ngày 28/8/2023 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng ông Trần Đình P trình bày:

Ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T đã vay vốn tại Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N-Chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với tổng số tiền như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số: 5008LAV202001415 ngày 08/5/2020 và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 5008LDS202201962 ngày 28/4/2022 với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi Bò thịt 10 con, với lãi suất cho vay là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn là 14,4%/năm. Thời hạn vay vốn 12 tháng kể từ ngày 28/4/2022, hạn trả nợ cuối cùng ngày 28/4/2023.

- Theo Hợp đồng thấu chi thuộc đề án NNNT số: 5008LAV202201274 ngày 05/5/2022 với hạn mức cấp thấu chi là 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 15%/năm. Thời hạn cấp hạn mức thấu chi: 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng: 05/5/2023.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 431 ngày 08/5/2020; Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/5/2020; Tài sản bảo đảm là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 640036 do UBND huyện Kbang cấp ngày 31/12/2001 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 432 ngày 08/5/2020; Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/5/2020; Tài sản bảo đảm là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 411402 do UBND huyện Kbang cấp ngày 27/4/2006.

Trong thời gian vay vốn, ông L, bà T đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đồng thời Ngân hàng cũng nhiều lần thông báo đòi nợ, đôn đốc, nhắc nhở bằng nhiều hình thức nhưng ông L, bà T vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 22/8/2023, ông L, bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 222.170.841 đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu, một trăm bảy mươi nghìn, tám trăm bốn mươi một đồng*), cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 5008LAV202001415 ngày 08/5/2020:

+ Nợ gốc: 200.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 7.574.795 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 3.050.959 đồng.

- Hợp đồng thấu chi thuộc đề án NNNT số 5008LAV202201274 ngày 05/5/2022:

+ Số dư nợ thấu chi: 11.438.567 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 71.013 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 35.507 đồng.

Ông L, bà T phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 23/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại bảng kê tính lãi, Ngân hàng bổ sung yêu cầu ông L, bà T còn phải trả tiếp số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh của cả 02 Hợp đồng từ ngày 23/8/2023 đến hết ngày 10/11/2023 (*ngày xét xử sơ thẩm*) với số tiền nợ lãi trong hạn là 4.466.449 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn 2.233.225 đồng. Tổng cộng, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng N-Chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai là 228.870.515 đồng (*hai trăm hai mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, năm trăm mười lăm đồng*). Trong đó: Theo Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 11.783.014 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.155.069 đồng; Theo Hợp đồng thấu chi: Số

đư nợ thấu chi là 11.438.567 đồng, nợ lãi trong hạn là 329.243 đồng và nợ lãi quá hạn là 164.622 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 10/11/2023*).

Ngoài ra theo thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng còn yêu cầu: Trường hợp bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông L, bà T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 431 ngày 08/5/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 432 ngày 08/5/2020 để thu hồi nợ theo quy định. Trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L, bà T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Trần Đình L: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông L đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức. Nhưng do điều kiện công việc của ông L không sắp xếp để tham gia các phiên họp và hòa giải của Tòa án cũng như không tham gia các phiên Tòa do Tòa án triệu tập được. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên ông L đã trình bày quan điểm của mình tại bản tự khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với nội dung:

Ông thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng kèm lãi phát sinh, tính đến ngày 22/8/2023 tổng số tiền ông bà còn nợ là 222.170.841 đồng. Số tiền Ngân hàng khởi kiện ông bà là đúng, hiện hoàn cảnh gia đình ông khó khăn, không thể xoay sở để trả nợ được nên ông chấp nhận để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp mà ông bà đã thế chấp. Ông tự nguyện chịu các khoản án phí, chi phí tố tụng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập bà T đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức nhưng bà T luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

- 01 Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo - PC ngày 01/12/2022 của Ngân hàng N (bản sao);
- 01 Giấy ủy quyền số 185/NHNo.KBĐGL-TH ngày 22/8/2023 giữa ông Đỗ Thanh B và ông Trần Đình P (bản chính);

- 01 Hợp đồng tín dụng số 5008LAV20201415 ngày 08/5/2020 giữa Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với anh Trần Đình L và chị Nguyễn Thị T (bản sao);
- 01 Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5008LDS202201962 tên khách hàng Trần Đình L (bản sao);
- 02 chứng minh nhân dân mang tên anh Trần Đình L và chị Nguyễn Thị T (bản sao);
- 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trần Đình L (bản sao);
- 01 Phương án sử dụng vốn của anh Trần Đình L và chị Nguyễn Thị T ngày 08/5/2020 (bản sao);
- 01 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 431 ngày 08/5/2020 giữa bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với bên thế chấp là anh Trần Đình L và chị Nguyễn Thị T (bản sao);
- 01 Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 08/5/2020 giữa bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với bên thế chấp là anh Trần Đình L và chị Nguyễn Thị T (bản sao);
- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 640036 do UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/12/2001 mang tên người sử dụng đất hộ ông Trần Đình L (bản sao);
- 01 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 432 ngày 08/5/2020 giữa bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với bên thế chấp là anh Trần Đình L và chị Nguyễn Thị T (bản sao);
- 01 Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 08/5/2020 giữa bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với bên thế chấp là anh Trần Đình L và chị Nguyễn Thị T (bản sao);
- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 411402 do UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 27/4/2006 mang tên người sử dụng đất ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị T (bản sao);
- 01 Giấy đề nghị cấp/thay đổi hạn mức kiêm hợp đồng thấu chi thuộc đề án NNNT của anh Trần Đình L và chị Nguyễn Thị T (bản sao);
- 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2023 của TAND huyện Kbang (bản sao);
- 02 Giấy báo nợ đến hạn ngày 10/4/2023 và ngày 01/5/2023 (bản sao);
- 02 Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 29/4/2023 và ngày 06/5/2023 (bản sao);
- 03 Biên bản làm việc v/v giải quyết nợ vay ngân hàng quá hạn ngày 10/5/2023; ngày 15/6/2023 và ngày 03/8/2023 (bản sao);
- 01 Sổ phụ tên khách hàng Trần Đình L (bản pho to);
- 01 Sổ giao dịch tiền vay mang tên khách hàng Trần Đình L (bản chính);
- 04 Bảng kê tạm tính lãi tên khách hàng Trần Đình L (bản chính);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T, có địa chỉ tại thôn 2, xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua chứng cứ do Ngân hàng giao nộp là 02 Giấy chứng minh nhân dân mang

tên Trần Đình L và Nguyễn Thị T; Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Trần Đình L và biên bản xác minh tại Công an xã Đông.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 155, 156, 157, 158, 179, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 117, 118, 119, 280, 299, 317, 319, 322, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền là 228.870.515 đồng (*hai trăm hai mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, năm trăm mười lăm đồng*). Trong đó: Theo Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 11.783.014 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.155.069 đồng; Theo Hợp đồng thấu chi: Số dư nợ thấu chi là 11.438.567 đồng, nợ lãi trong hạn là 329.243 đồng và nợ lãi quá hạn là 164.622 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 10/11/2023*). Ông L, bà T phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 11/11/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Buộc bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thấu chi đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt hợp lệ (niêm yết đối với bà T) các văn bản tố tụng để triệu tập ông L, bà T đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Ông L vắng mặt tại các phiên họp và hoà giải; các

phiên tòa của Tòa án nhưng đã trình bày quan điểm và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Trần Đình P vắng mặt nhưng ông P có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét Hợp đồng tín dụng số 5008LAV202001415 ngày 08/5/2020 và Hợp đồng thấu chi số 5008LAV202201274 ngày 05/5/2022 được ký kết giữa Ngân hàng với ông L, bà T thấy rằng: Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T chủ thể tham gia hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại các Điều 117, Điều 118, và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo Hợp đồng tín dụng số: 5008LAV202001415 ngày 08/5/2020; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 5008LDS202201962 ngày 28/4/2022 và Hợp đồng thấu chi số 5008LAV202201274 ngày 05/5/2022 được ký kết giữa ngân hàng với ông L, bà T đã thể hiện rõ việc Ngân hàng cho ông L, bà T vay và nhận nợ số tiền như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số: 5008LAV202001415 ngày 08/5/2020 và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 5008LDS202201962 ngày 28/4/2022 với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi Bò thịt 10 con, với lãi suất cho vay là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn là 14,4%/năm. Thời hạn vay vốn 12 tháng kể từ ngày 28/4/2022, hạn trả nợ cuối cùng ngày 28/4/2023.

- Theo Hợp đồng thấu chi thuộc đề án NNNT số: 5008LAV202201274 ngày 05/5/2022 với hạn mức cấp thấu chi là 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 15%/năm. Thời hạn cấp hạn mức thấu chi: 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng: 05/5/2023.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 431 ngày 08/5/2020; Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/5/2020; Tài sản bảo đảm là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 640036 do UBND huyện Kbang cấp ngày 31/12/2001 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 432 ngày 08/5/2020; Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/5/2020; Tài sản bảo đảm là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 411402 do UBND huyện Kbang cấp ngày 27/4/2006.

Sau khi vay tiền ông L, bà T đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được tiền nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông, bà trả nợ. Ông L, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên buộc Ngân hàng phải chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu ông L, bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bà T đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Ông L biết việc Ngân hàng khởi kiện, đã trình bày quan điểm của mình và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 228.870.515 đồng (*hai trăm hai mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, năm trăm mười lăm đồng*). Trong đó: Theo Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 11.783.014 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.155.069 đồng; Theo Hợp đồng thấu chi: Số dư nợ thấu chi là 11.438.567 đồng, nợ lãi trong hạn là 329.243 đồng và nợ lãi quá hạn là 164.622 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 10/11/2023*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại Hợp đồng tín dụng số 5008LAV202001415 ngày 08/5/2020 giữa hai bên còn thỏa thuận:

Trường hợp bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông L, bà T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 431 ngày 08/5/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 432 ngày 08/5/2020 để thu hồi nợ theo quy định. Trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L, bà T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Xét các thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện và đúng pháp luật nên Ngân hàng có các quyền này khi yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Trong các ngày 21/9/2023 và 22/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Kbang đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là:

- Thửa đất số 223 tờ bản đồ số 66 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 640036, do UBND huyện Kbang cấp ngày 31/12/2001 cấp cho hộ ông Trần Đình L có diện tích theo Giấy chứng nhận là 1558m² (gồm 300m² đất ở và 1258m² đất nông nghiệp). Qua xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định: Thửa đất thế chấp đúng vị trí, số tờ, số thửa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 640036 và có diện tích thực tế đang sử dụng là 1688m² (trong đó có 300m² đất ở và 1388m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn 2 (trước đây là thôn 5), xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, nhiều hơn diện tích đã được cấp trong GCNQSDĐ là 130m² và đất không có tranh chấp với bên thứ ba.

- Diện tích 12.500m² đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 411402, do UBND huyện Kbang cấp ngày 27/4/2006, đứng tên người sử dụng đất là ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T, có diện tích theo Giấy chứng nhận là 12.500m² đất trồng cây hàng năm. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định: Thửa đất thế chấp đúng vị trí so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 411402 và có diện tích thực tế đang sử dụng là 7.466m² đất (đất trồng cây hàng năm), ít hơn diện tích đã được cấp trong GCNQSDĐ là 5.034m² và đất không có tranh chấp với bên thứ ba.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 228.870.515 đồng x 5% = 11.443.525 đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*). Do nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, cụ thể như sau:

Buộc bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N-Chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 5008LAV202001415 ngày 08/5/2020 và Hợp đồng thấu chi số 5008LAV202201274 ngày 05/5/2022 là 228.870.515 đồng (*hai trăm hai mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, năm trăm mười lăm đồng*). Trong đó: Theo Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 11.783.014 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.155.069 đồng; Theo Hợp đồng thấu chi: Số dư nợ thấu chi là 11.438.567 đồng, nợ lãi trong hạn là 329.243 đồng và nợ lãi quá hạn là 164.622 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 10/11/2023*). Ông L, bà T phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh cho nguyên đơn theo thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thấu chi giữa hai bên từ ngày 11/11/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông L, bà T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 431

ngày 08/5/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 432 ngày 08/5/2020 để thu hồi nợ theo quy định. Trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L, bà T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N-Chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án thi hành án xong khoản tiền nợ (5.000.000 đồng) nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T phải chịu 11.443.525 đồng (mười một triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N-Chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.555.406 đồng (năm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm linh sáu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003996 ngày 28/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử P thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA